TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc L – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 172/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 7 - 2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quốc Cường

Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 27 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 317/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023 về việc "xin ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M. Sinh năm: 1981 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 273, đường L, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

-Bị đơn: Anh Hồ Bửu L. Sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Số 447, đường N, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh L tự nguyện chung sống vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 226 ngày 07/11/2003. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng hơn 01 năm nay vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện nay anh L đã có gia đình khác. Chị nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc nên xin ly hôn với anh L.

- *Về con chung:* Chị và anh L có một người con chung tên Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 25/9/2006, hiện con chung đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Chị xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Chị xác định không có.

Đối với anh Hồ Bửu L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc

giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập xét xử. Tuy nhiên, anh Hồ Bửu L vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản nêu ý kiến gởi Tòa án về các vấn đề chị M yêu cầu.

Tại phiên tòa,

Chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M xin ly hôn với anh Hồ Bửu L được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Hồ Bửu L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn với anh Hồ Bửu L, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của anh chị được xác L trên cơ sở tự nguyện, vợ chồng chung sống với nhau vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống chị M xác định giữa vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay, hiện tại tình cảm vợ chồng không còn nên chị không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Xét thấy, hôn nhân là mối quan hệ mà phải được cả hai người cùng có trách nhiệm xây dựng trên tinh thần tự nguyện, thông cảm, sẻ chia với nhau về mọi mặt trong đời sống nhưng hiện nay chị M xác định đã không còn tình cảm với anh L và không thể tiếp tục chung sống với anh L được nữa. Mặc dù chị M đã được Hội đồng xét xử động viên, hàn gắn cho anh chị nhưng chị M vẫn cương quyết xin ly hôn với anh L. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đồng thời, anh L mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để anh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh về các vấn đề chị M yêu cầu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay anh vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến gởi Tòa án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M cho chị được ly hôn với anh L.

[4] Về con chung: Chị M xác định quá trình chung sống chị và anh L có một người con chung tên Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 25/9/2006, hiện nay con chung đang sống với chị M, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét thấy, hiện tại con chung đang sống với chị M và chị M có yêu cầu được nuôi con, tại biên bản ghi ý kiến con chung ngày 01/6/2023 cháu Ngọc Anh có nguyện vọng sống với mẹ, anh L không có ý kiến về vấn đề con chung. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị M tiếp tục giao cháu Hồ Nguyễn Ngọc A cho chị M chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Chị M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị M xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị M về việc xin ly hôn với anh Hồ Bửu L.

2/ Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Hồ Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 25/9/2006 cho chị Nguyễn Thị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Anh Hồ Bửu L được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Chị M xác định tự thỏa thuận nên không xem xét, giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị M xác định không có nên không xem xét, giải quyết.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng. Ngày 26/5/2023 chị M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0003451 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp.Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Út